

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số **63/2024/DS-PT**

Ngày 27/11/2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng giao  
khoán sử dụng đất sản xuất nông  
nghiệp trồng cây ngắn ngày”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Thủy

**Các Thẩm phán:** Ông Phúc An Hoàn, ông Nguyễn Đức Nam.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hồng Phong - Thẩm tra viên; Tòa án nhân dân tỉnh  
Tuyên Quang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:**  
Bà Phan Thị Hồng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử  
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2024/TLPT-DS ngày 16/10/2024 về việc “*Tranh  
chấp hợp đồng giao khoán sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trồng cây ngắn ngày*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST, ngày 01 tháng 8 năm 2024  
của Tòa án nhân dân thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐ.XXPT-DS ngày 22 tháng 10  
năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty cổ phần chè S. L.**

Địa chỉ: Thôn 12, xã Kim Phú, thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Đức T** - C/v: Tổng Giám đốc Công  
ty cổ phần chè S. L; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của Tổng Giám đốc Công ty CP chè S. L:

- Ông **Vũ Đức Tr** - C/v: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP chè S. L.

Địa chỉ: Số nhà 05, tổ dân phố 02, phường H, thành phố T. Q, tỉnh Tuyên  
Quang (có mặt).

- Bà **Nguyễn Thị Tuyết Nh** - C/v: Đội Trưởng đội 4, 6, 9, 11 Công ty cổ  
phần chè S. L; Địa chỉ: Thôn 12, xã L. V, thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang  
(có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ dân phố 9,  
phường Đội Cán, thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Q.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai tại bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng tại phiên tòa - Nguyên đơn Công ty cổ phần Chè S. L, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện:*

Căn cứ luật đất đai; Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 16/7/2013 của UBND tỉnh Tuyên Quang cho Công ty thuê đất và bản đồ thuê đất của Công ty kèm theo quyết định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 002112, ngày 06/02/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ hợp đồng giao khoán sử dụng đất nông nghiệp trồng cây ngắn ngày, ngày 25/5/2010 (Sau đây gọi là Hợp đồng), giao khoán đất theo hợp đồng là thửa 09 phiên sang bản đồ 2013 là một phần thửa 361, diện tích là 487m<sup>2</sup>, thửa 360 diện tích 3.100m<sup>2</sup>; thửa 02 phiên sang bản đồ 2013 là một phần thửa 141, diện tích là 1.964m<sup>2</sup>.

Theo kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ thì diện tích đất bà Q sử dụng là: 3.509,5m<sup>2</sup> đất tại thửa đất 360; 225,5m<sup>2</sup> đất tại thửa đất 361; 545,3m<sup>2</sup> đất tại thửa đất 141 và 220,9m<sup>2</sup> đất tại thửa đất 104 (Bản đồ cho thuê đất năm 2013).

Hiện nay bà Nguyễn Thị Q trồng cây dài ngày (Cây chanh) vi phạm vào điểm d khoản 1 Điều 3 Hợp đồng; không nộp tiền thuê đất năm 2020, 2021, 2022 vi phạm vào điểm b khoản 1 Điều 3 Hợp đồng.

Do vậy để đảm bảo quyền lợi cho Công ty, cũng như nghĩa vụ của Công ty thực hiện với Nhà nước, Công ty khởi kiện bà Nguyễn Thị Q ra Tòa án nhân dân thành phố T. Q, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T. Q tuyên chấm dứt hợp đồng giao khoán của Công ty với bà Nguyễn Thị Q;

Buộc bà Nguyễn Thị Q trả lại cho Công ty diện tích đất như kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ; Buộc bà Q di chuyển hoặc phá bỏ cây chanh trồng trên đất.

Về yêu cầu nộp tiền thuê, ngày 08/7/2024 bà Q đã nộp tiền thuê đất nên Công ty xin rút yêu cầu.

Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Công ty đã nộp tạm ứng chi phí, yêu cầu bà Q phải trả cho Công ty.

*\* Bị đơn trình bày tại bản tự khai và tại phiên hòa giải:*

Bà là công nhân của Công ty chè S. L. Bà nhận khoán đất từ năm 1997. Hằng năm bà vẫn nộp khoán 20kg thóc/sào, phải nộp 1.212.000đ trên diện tích 5.551m<sup>2</sup>. Bà đang trồng lúa và ngô trên diện tích 3.857m<sup>2</sup>, còn lại 1.964m<sup>2</sup> bà đang ươm cây giống và trồng chanh. Bà nhất trí trả tiền thuê đất. Về cây chanh trồng đã được thu hoạch nên bà không thể di chuyển. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; không hòa giải được và đưa ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ

thẩm số 70/2024/DS-ST, ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26; 35; 39; 147; 157; 165; 217, 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6, 12 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 468, 422, 428, 483, 484, 493 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Chè S. L về việc chấm dứt Hợp đồng đối với bà Nguyễn Thị Q.

2. Tuyên xử:

- Chấm dứt Hợp đồng khoán đất sản xuất nông nghiệp trồng cây ngắn ngày, ngày 25/5/2010 đã ký kết giữa bà Nguyễn Thị Q với Công ty Cổ phần Chè S. L.

- Buộc bà Nguyễn Thị Q trả lại diện tích đất giao khoán cho Công ty Cổ phần chè S. L: Diện tích 3.509,5m<sup>2</sup> đất tại thửa đất 360, 225,5m<sup>2</sup> đất tại thửa đất 361, 545,3m<sup>2</sup> đất tại thửa đất 141 và 220.9m<sup>2</sup> đất tại thửa đất 104 (Bản đồ cho thuê đất năm 2013) theo Mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất tại tổ dân phố 02, phường Đội Cấn, thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang (Kèm theo bản án).

- Buộc bà Nguyễn Thị Q phải di chuyển hoặc phá bỏ cây chanh trên đất phải trả.

- Đình chỉ xét xử với yêu cầu của Công ty Cổ phần chè S. L về việc bà Nguyễn Thị Q phải trả tiền thuê đất.

- Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Q phải trả số tiền 13.172.000 đồng (*Mười ba triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn*) là tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản cho Công ty Cổ phần chè S. L.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Cổ phần chè S. L không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu số 0000177 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Q (Có Lệnh chuyển tiền số 845 ngày 30/10/2023).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2024 và ngày Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Q yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm số 70/2024/DS-ST, ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang. Bị đơn cho rằng kết luận trong bản án,

quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn. Có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến việc ra bản án, quyết định không đúng, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn. Bị đơn xin được giữ lại tài sản là toàn bộ cây chanh trồng trên đất thầu khoán của công ty Cổ phần chè S. L.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo - bị đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày: Ngày 25/5/2010 bà có ký hợp đồng thuê khoán đất của Công ty Chè S. L. Quá trình sử dụng đất bà đã chấp hành đúng quy định, sử dụng đúng mục đích, nhưng do thời gian gần đây việc trồng cây nông nghiệp ngăn ngày như cây ngô không đảm bảo và không mang lại hiệu quả kinh tế nên năm 2020 và đầu năm 2024 bà đã trồng cây chanh trên diện tích đất đã nhận giao khoán của công ty. Nay công ty yêu cầu bà chấm dứt hợp đồng giao khoán, thu hồi, chặt phá bỏ cây chanh, bà không nhất trí vì cây chanh mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cây nông nghiệp khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo bị đơn bà Nguyễn Thị Q hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm. Được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, không có tài liệu chứng cứ mới tại phiên tòa phúc thẩm, bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST, ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần chè S. L đối với bà Nguyễn Thị Q là phù hợp và có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Q, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST, ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T. Q.

Về án phí bị đơn bà Nguyễn Thị Q là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Đơn kháng cáo bị đơn là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm. Được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo nội dung của Hợp đồng giao khoán sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trồng cây ngắn ngày giữa Công ty cổ phần chè S. L và bà Nguyễn Thị Q đã cùng nhau tự nguyện thỏa thuận, thống nhất các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng giao khoán sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trồng cây ngắn ngày, giữa hai bên không có vướng mắc gì. Bà Q đã tự ý trồng cây Chanh, cây Chanh không phải là cây quy định được trồng trên đất nhận khoán, trái với quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật đất đai năm 2013 về Phân loại đất.

Theo Hợp đồng các bên đã ký kết đều xác định đất nhận giao khoán là đất trồng cây ngắn ngày như lúa, ngô, khoai đỗ, sắn..., đây là cây lương thực thuộc loại cây hàng năm; theo quy định tại khoản 8 Điều 3 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ, được xác định cây hàng năm là loại cây được gieo trồng, cho thu hoạch và kết thúc chu kỳ sản xuất trong thời gian không quá 01 năm, kể cả cây hàng năm lưu gốc để thu hoạch không quá 05 năm. Trong khi đó, cây lâu năm theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính Phủ, được xác định là loại cây được gieo trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm. Việc bà Q sử dụng đất trồng cây ngắn ngày (cây hàng năm) để trồng cây lâu năm được xác định là hành vi sử dụng đất sai mục đích, vi phạm nguyên tắc sử dụng đất được quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật đất đai năm 2013 và là một trong những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 12 của Luật đất đai năm 2013. Việc sử dụng đất trồng cây hàng năm để trồng các loại cây lâu năm còn được xác định là hành vi tự ý chuyển mục đích sử dụng đất của mảnh đất này từ đất trồng cây hàng năm sang đất trồng cây lâu năm mà không được sự đồng ý của chủ sử dụng đất.

Do vậy, bà Q đã vi phạm điểm a, điểm d, Điều 3 của Hợp đồng giao khoán đất là sử dụng đất không đúng mục đích, không đúng quy hoạch. Cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần chè S. L đối với bà Q là có căn cứ. Xét thấy cây Chanh và vật kiến trúc, tài sản gắn liền thửa đất nhận giao khoán là tài sản chung của bà Q, do đó cấp sơ thẩm đã buộc bà Q di chuyển hoặc phá bỏ toàn bộ cây Chanh, vật kiến trúc và tài sản gắn liền với đất để trả lại đất cho Công ty cổ phần chè S. L như bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng quy định của pháp luật.

Về tiền thuê đất: Bà Nguyễn Thị Q chưa nộp tiền thuê đất 6 tháng cuối năm 2020 là: 1.578.110 đồng, năm 2021 là: 2.616.017 đồng và năm 2022 là: 1.832.000 đồng cho Công ty Cổ phần Chè S. L. Tại phiên tòa, Công ty đã rút yêu cầu khởi kiện này, do đó cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất đang có tranh chấp. Theo kết quả thẩm định, toàn bộ diện tích đất mà bà Q nhận khoán và đang canh tác, sử dụng có diện tích 3.509,5m<sup>2</sup> đất tại thửa đất 360; 225,5m<sup>2</sup> đất tại thửa đất 361; 545,3m<sup>2</sup> đất tại thửa đất 141 và 220.9m<sup>2</sup> đất tại thửa đất 104 (tổng diện tích là 4.521,2 m<sup>2</sup>), các đương sự đều nhất trí và không có ý kiến gì.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên đất đối với diện tích đất đang có tranh chấp và đã nộp tiền tạm ứng chi phí và đã chi trả xong tổng cộng là 13.172.311 đồng (làm tròn số là 13.172.000 đồng (Mười ba triệu, một

*trăm bảy mươi hai nghìn*). Do yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần chè S. L được chấp nhận toàn bộ, nên cấp sơ thẩm đã buộc bà Nguyễn Thị Q phải chịu chi phí này và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Công ty cổ phần chè S. L toàn bộ số tiền trên và phải chịu lãi nếu chậm nộp theo quy định của Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét. Trường hợp đương sự có yêu cầu thì có quyền khởi kiện nội dung này bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[3] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Q là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Q, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST, ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T. Q như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Chè S. L về việc chấm dứt Hợp đồng đối với bà Nguyễn Thị Q.

2. Chấm dứt Hợp đồng khoán đất sản xuất nông nghiệp trồng cây ngắn ngày, ngày 25/5/2010 đã ký kết giữa bà Nguyễn Thị Q với Công ty Cổ phần Chè S. L.

- Buộc bà Nguyễn Thị Q trả lại diện tích đất giao khoán cho Công ty Cổ phần chè S. L: Diện tích 3.509,5m<sup>2</sup> đất tại thửa đất 360, 225,5m<sup>2</sup> đất tại thửa đất 361, 545,3m<sup>2</sup> đất tại thửa đất 141 và 220.9m<sup>2</sup> đất tại thửa đất 104 (Bản đồ cho thuê đất năm 2013) theo Mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất tại tổ dân phố 02, phường Đội Cấn, thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang (Kèm theo bản án).

- Buộc bà Nguyễn Thị Q phải di chuyển hoặc chặt, phá bỏ cây chanh trồng trên đất phải trả.

3. Đình chỉ xét xử với yêu cầu của Công ty Cổ phần chè S. L về việc bà Nguyễn Thị Q phải trả tiền thuê đất.

4. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Q phải trả số tiền 13.172.000 đồng (*Mười ba triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn*) là tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản cho Công ty Cổ phần chè S. L.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì*

*còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Cổ phần chè S. L không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0000177 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Q (Có Lệnh chuyển tiền số 845 ngày 30/10/2023).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Q người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (27/11/2024).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tp T. Q;
- CC. THADS tp T. Q;
- UBND phường Đội Cấn;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA (HCTP);
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Xuân Thủy**